

Số: /BC-KKT

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Công khai tài chính năm 2023

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban;

Căn cứ số liệu báo cáo năm 2023;

Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ công chức Ban như sau:

A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG:

DVT: Đồng

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
I	NGUỒN KP TỰ CHỦ NĂM 2023	5.334.073.505	4.744.989.803	5.089.660.213	244.413.292
1	Kinh phí năm 2022 chuyển qua	329.944.901	87.275.845	87.275.845	242.669.056
	- Kinh phí khoán Chi hành chính (N13)	61.361.258			61.361.258
	- KP tạo nguồn cải cách tiền lương (N14)	268.583.643	87.275.845	87.275.845	181.307.798
2	Nguồn kinh phí Chi hoạt động thường xuyên năm 2023	5.004.128.604	4.657.713.958	5.002.384.368	1.744.236
	- Kinh phí khoán Chi hành chính (N13)	4.801.000.000	4.454.585.354	4.799.255.764	1.744.236

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
	- KP tạo nguồn cải cách tiền lương (N14)	203.128.604	203.128.604	203.128.604	
	+ Tiền lương		2.191.702.668	2.191.702.668	
	+ Tiền công		263.760.000	263.760.000	
	+ Phụ cấp (chức vụ, công vụ, một cửa, ...)		792.663.807	792.663.807	
	+ Tiền thưởng		33.970.000	78.970.000	
	+ Chi phúc lợi tập thể		78.622.500	92.622.500	
	+ Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ		594.855.730	594.855.730	
	+ Chi tăng thu nhập		66.000.000	206.000.000	
	+ Các khoản thanh toán cho cá nhân		1.443.500	1.443.500	
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, xăng xe, phí vệ sinh môi trường...)		189.147.850	200.147.850	
	+ Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, ...)		98.554.489	113.814.489	
	+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		57.106.354	67.106.354	
	+ Hội nghị		1.000.000	1.000.000	
	+ Công tác phí		119.735.000	129.735.000	
	+ Chi thuê mướn (đào tạo cán bộ, thuê mướn khác, ...)		12.006.000	22.556.000	
	+ Chi sửa chữa (ô tô, điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học, hệ thống nước...)		42.376.200	53.626.200	
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (tài liệu dùng cho công tác chuyên môn...)		900.000	1.200.000	
	+ Chi mua sắm tài sản vô hình (bảo trì phần mềm)		2.500.000	2.500.000	
	+ Chi khác (tiếp khách, chi hỗ trợ, bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí...)		97.959.860	159.070.270	

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
	+ Chi phí khác (phụ cấp cấp ủy)		13.410.000	29.610.000	
II	NGUỒN KP KHÔNG TỰ CHỦ 2023	22.921.583.000	8.379.463.627	22.879.608.846	41.974.154
II.1	Chi quản lý nhà nước	21.931.583.000	8.379.463.627	21.889.608.846	41.974.154
1	Kinh phí xúc tiến đầu tư (cấp đầu năm 180.000.000 đồng + 50.000.000đ cấp bổ sung - 3.600.000 điều chỉnh giảm)	230.000.000	196.819.086	230.000.000	
2	Kinh phí bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán (cấp đầu năm 45.500.000 đồng + 28.000.000 đồng cấp bổ sung - 3.600.000 đồng điều chỉnh giảm)	69.900.000	69.900.000	69.900.000	
3	Kinh phí nhận bút, thù lao đăng thông tin điện tử Ban	20.000.000		20.000.000	
4	Kinh phí thuê đặt máy chủ	21.000.000	20.196.000	20.196.000	804.000
5	Kinh phí thực hiện công tác PCCC	15.000.000	3.457.695	15.000.000	
6	Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong KKT, KCN tỉnh (cấp đầu năm 63.000.000 đồng - 63.000.000đ điều chỉnh giảm)				
7	Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật, phổ biến các quy định của pháp luật về lao động (cấp đầu năm 33.000.000 đồng - 33.000.000 đồng điều chỉnh giảm)				
8	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hệ thống họp trực tuyến (KP chuyển nguồn từ năm 2022: 5.368.000 đồng - 5.368.000 đồng điều chỉnh giảm)				

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
9	Kinh phí hỗ trợ công tác tham gia phục vụ xây dựng Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa (KP chuyển nguồn từ năm 2022: 191.660.000 đồng - 191.660.000 đồng điều chỉnh giảm)				
10	Kinh phí mua sắm máy tính xách tay (KP chuyển nguồn từ năm 2022: 158.000.000 đồng - 32.335.000 đồng điều chỉnh giảm)	125.665.000	125.665.000	125.665.000	
11	Kinh phí mua sắm máy móc thiết bị cho chức danh lãnh đạo mới bổ nhiệm (cấp bổ sung 56.750.000 đồng)	56.750.000	38.000.000	56.750.000	
12	Kinh phí chi cho công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên (cấp bổ sung: 26.400.000 đồng)	26.400.000	18.500.000	26.400.000	
13	Kinh phí tổ chức Hội nghị xúc tiến, kết nối đầu tư Khánh Hòa- Nhật Bản năm 2023 (cấp bổ sung: 12.000.000 đồng)	12.000.000	11.352.846	11.352.846	647.154
14	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 2000) Khu du lịch sinh thái Đảo Hòn Lớn (phân khu 01) (cấp bổ sung: 5.400.000.000 đồng - 483.045.972 đồng điều chỉnh giảm)	4.916.954.028	1.789.222.200	4.916.954.028	
15	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu du lịch núi Khải Lương (phân khu 02) (cấp bổ sung: 2.300.000.000 đồng - 205.741.803 đồng điều chỉnh giảm)	2.094.258.197	845.922.900	2.094.258.197	

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
16	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm cảng biển - đô thị Đàm Môn (phân khu 03) (cấp bổ sung: 5.600.000.000 đồng - 500.936.563 đồng điều chỉnh giảm)	5.099.063.437	2.086.163.100	5.099.063.437	
17	Kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã - Tu Bông (phân khu 08) (cấp bổ sung: 8.000.000.000 đồng - 715.623.662 đồng điều chỉnh giảm)	7.284.376.338	2.885.787.800	7.284.376.338	
18	Kinh phí lập quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn (phân khu 04) (cấp bổ sung: 129.537.000 đồng)	129.537.000		129.537.000	
19	Kinh phí lập quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị, dịch vụ du lịch Tuần lễ - Hòn Ngang (phân khu 05) (cấp bổ sung: 166.247.000 đồng)	166.247.000		166.247.000	
20	Kinh phí lập quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị công nghiệp Bắc Hòn Hèo (phân khu 17) (cấp bổ sung: 329.000.000 đồng)	329.000.000	288.477.000	288.477.000	40.523.000
21	Kinh phí lập quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phân khu 14, 15, 16, 18, 19 (cấp bổ sung N15: 1.335.432.000 đồng)	1.335.432.000		1.335.432.000	
II.2	Chi sự nghiệp	990.000.000		990.000.000	
1	Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường	990.000.000		990.000.000	
2	Kinh phí sự nghiệp môi trường (Cấp bổ sung trong năm: 300.000.000 đồng - 300.000.000 đồng điều chỉnh giảm)				

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2023	Số thực hiện đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
III	CỘNG CHI NSNN (I + II)	28.255.656.505	13.124.453.430	27.969.269.059	286.387.446
IV	NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ (số dư năm 2022 chuyển sang 52.508.721 đồng + 202.150.000 đồng số thu được để lại trong năm 2023).	254.658.721	89.068.748	89.068.748	165.589.973
	Nguồn Ngân sách (<i>số dư năm 2022 chuyển sang: 33.614.368 đồng + 121.290.000 đồng số thu được để lại trong năm 2023</i>)	154.904.368	25.645.280	25.645.280	129.259.088
	Nguồn CCTL (<i>số dư năm 2022 chuyển sang: 18.894.353 đồng + 80.860.000 đồng số thu được để lại trong năm 2023</i>)	99.754.353	63.423.468	63.423.468	36.330.885
V	Ban quản lý dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp (Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên)	30.900.000	30.900.000	30.900.000	
1	Kinh phí bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán (<i>cấp đầu năm 19.500.000 đồng + 12.000.000 đồng cấp bổ sung - 600.000 đồng điều chỉnh giảm</i>)	30.900.000	30.900.000	30.900.000	

1. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương:

Ban đã thực hiện tốt chế độ cải cách tiền lương, đảm bảo nguồn tiền tiết kiệm để thực hiện chế độ cải cách tiền lương và lộ trình tăng lương từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên.

2. Nhận xét, đánh giá về kinh phí hoạt động:

- Nguồn kinh phí không tự chủ: Ước số còn lại dự toán 41.974.154 đồng do:
 - + Kinh phí lập QH phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị công nghiệp Bắc Hòn Hèo (phân khu 17) hết nhiệm vụ chi còn lại: 40.523.000 đồng.
 - + Kinh phí còn lại: 1.451.154 đồng: Do thanh toán theo số thực tế phát sinh.
- Nguồn kinh phí tự chủ: Ước chi hết theo số dự toán được cấp 2023.

B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Năm 2023, Ban được UBND tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư XDCB: 230.902.000.000 đồng.

Bao gồm:

I. Vốn Trung ương: 134.220.000.000 đồng.

Trong đó:

- KH 2022 kéo dài sang 2023: 7.220.000.000 đồng.
- KH vốn 2023: 127.000.000.000 đồng.

II. Vốn Địa phương: 96.682.000.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn thực hiện dự án: 93.297.000.000 đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư: 3.385.000.000 đồng.

* Đã giải ngân tính đến 15/12/2023: 198.535.000.000 đồng. Đạt 86% kế hoạch.

Trong đó:

- + Vốn Trung ương: 105.493.000.000 đồng đạt 79% kế hoạch..
- + Vốn Địa phương: 93.042.000.000 đồng đạt 96% kế hoạch.

* Ước thực hiện đến 31/01/2024: Giải ngân đạt:

- + Vốn Trung ương: Đạt 100% kế hoạch.
- + Vốn Địa phương: Đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo bảng sau)

DVT: Ngàn Đồng

Stt	Tên dự án	KH vốn năm 2023	Đã giải ngân đến 15/12/2023	Ước thực hiện đến 31/01/2024	Kế hoạch vốn còn lại, chuyển năm sau, hủy bỏ
1	2	3	4	5	6 = 3-5
I	VỐN TRUNG ƯƠNG	134.220.000	105.492.770	134.220.000	0
1	Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn	7.220.000	6.057.020	7.220.000	0
2	Đường giao thông Ngoài Cảng trung chuyển QTVP	109.000.000	81.435.750	109.000.000	0
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường 652B và 652D	18.000.0000	18.000.000	18.000.000	0

II	VỐN ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	96.682.000	93.041.464	96.682.000	0
A	VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ	93.297.000	91.347.464	93.297.000	0
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường 652B và 652D	80.000.000	78.432.664	80.000.000	0
2	Cải tạo Trụ sở Ban	4.144.000	3.762.539	4.144.000	0
3	Sửa chữa Đường Đầm Môn ĐT.651	9.153.000	9.152.261	9.152.261	0
B	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	3.385.000	1.694.000	3.385.000	0
1	Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến Thị xã Ninh Hòa	1.000.000	481.946	1.000.000	0
2	Nâng cấp mở rộng Cải tuyến Tỉnh Lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1B)	1.789.000	1.212.000	1.789.000	0
3	Đường GT Ngoài Cảng TCQT Vân Phong (giai đoạn 2)	91.000	0	91.000	0
4	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ QL 1 đến cảng Hòn Khôi	128.000	0	128.000	0
5	Đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng CSHT Khu Tài định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 2)	216.000	0	216.000	0
6	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A-ĐT652B (QL 1 đến vòng xoay Ninh Diêm).	111.000	0	111.000	0
7	Nâng cấp hoàn chỉnh CSHT (50,28ha) và mở rộng thêm 15ha Khu Tài định cư Xóm Quán	50.000	0	50.000	0
	TỔNG CỘNG (I +II)	230.902.000	198.534.234	230.902.000	0

Với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Ban cùng với sự cố gắng của cả tập thể cơ quan trong việc thực hiện các khoản chi trong năm 2023 hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định. Do đó cuối năm đã có khoản tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho công chức và người lao động trong cơ quan.

Thực hiện nghiêm túc việc công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh

phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2023 gửi đến toàn thể công chức, người lao động thuộc Ban đề biết và giám sát việc sử dụng./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, VP, VK, 02.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trọng Hoàng